

Bản án số: 319/2025/HSPT
Ngày: 25-12-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị My My.

Các Thẩm phán: Ông Y Phi Kbuôr, bà Nguyễn Thị Thu Trang

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Lăk tham gia phiên tòa: Ông Biện Tấn Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 304/2025/TLPT-HS ngày 03 tháng 11 năm 2025, đối với bị cáo Lê Thị H do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2025/HS-ST ngày 29 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 15, tỉnh Đăk Lăk.

Bị cáo có kháng cáo: **Lê Thị H**, sinh năm 1972 tại tỉnh Phú Yên; Nơi cư trú: thôn T, xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên (Nay là Thôn T, xã S, tỉnh Đăk Lăk); Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Nội Trợ; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông: Lê N, sinh năm 1929 và bà: Trần Thị T, sinh năm 1949 (chết); Chồng: Nguyễn Văn T1, sinh năm 1970; Con: Có 01 người con sinh năm 1994; Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo Lê Thị H bị bắt tạm giam từ ngày 03/10/2024 đến ngày 25/02/2025; Thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp Bảo lãnh từ ngày 26/02/2025 đến ngày 02/4/2025; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04/4/2025 đến nay. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

(Trong vụ án còn có bị cáo Nguyễn Văn T1 không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị).

- Người bị hại:

1. Nay Y BLung; Địa chỉ: thôn T, xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên (Nay là Thôn T, xã S, tỉnh Đăk Lăk) – Vắng mặt.

2. Cao Minh H1; Địa chỉ: khu phố B, thị trấn C, huyện S, tỉnh Phú Yên (Nay là Khu phố B, xã S, tỉnh Đăk Lăk) – Vắng mặt.

3. Phan Doãn D; Địa chỉ: khu phố T, thị trấn C, huyện S, tỉnh Phú Yên (Nay là Khu phố T, xã S, tỉnh Đăk Lăk) – Vắng mặt.

4. Nguyễn Thị Thanh H2; Địa chỉ: khu phố T, thị trấn C, huyện S, tỉnh Phú Yên (Nay là Khu phố T, xã S, tỉnh Đắk Lắk) – Vắng mặt.
5. Nguyễn Thị Thanh B; Địa chỉ: khu phố Đ, thị trấn C, huyện S, tỉnh Phú Yên (Nay là Khu phố Đ, xã S, tỉnh Đắk Lắk) – Vắng mặt.
6. Nguyễn Việt C; Địa chỉ: thôn T, xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên (Nay là Thôn T, xã S, tỉnh Đắk Lắk) – Vắng mặt.
7. Nguyễn Ngọc T2; Địa chỉ: thôn N, xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên (Nay là Thôn N, xã S, tỉnh Đắk Lắk) – Vắng mặt.
8. Đỗ Phương H3; Địa chỉ: khu phố T, thị trấn C, huyện S, tỉnh Phú Yên (Nay là Khu phố T, xã S, tỉnh Đắk Lắk) – Vắng mặt.
9. Lê Thị Mỹ D1; Địa chỉ: khu phố T, thị trấn C, huyện S, tỉnh Phú Yên (Nay là Khu phố T, xã S, tỉnh Đắk Lắk);
10. Nguyễn Văn P; Địa chỉ: khu phố B, thị trấn C, huyện S, tỉnh Phú Yên (Nay là Khu phố B, xã S, tỉnh Đắk Lắk) – Vắng mặt.
11. Nguyễn Ngọc Á; Địa chỉ: khu phố T, thị trấn C, huyện S, tỉnh Phú Yên (Nay là Khu phố T, xã S, tỉnh Đắk Lắk) – Vắng mặt.
12. Phan Thế L; Địa chỉ: thôn T, xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên (Nay là Thôn T, xã S, tỉnh Đắk Lắk) – Vắng mặt.
13. Trần Đình T3; Địa chỉ: C P, phường G, thành phố T, tỉnh Phú Yên (Nay là C P, Phường T, tỉnh Đắk Lắk) – Vắng mặt.
14. Phạm Thế N1; Địa chỉ: A N, phường I, thành phố T, tỉnh Phú Yên (Nay là A N, Phường B, tỉnh Đắk Lắk) – Vắng mặt.
15. Nguyễn Chí L1; Địa chỉ: M, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên (Nay là Thôn M, xã H, tỉnh Đắk Lắk) – Vắng mặt.
16. Nguyễn Công D2; Địa chỉ: F P, phường I, thành phố T, tỉnh Phú Yên (Nay là F P, Phường B, tỉnh Đắk Lắk) – Vắng mặt.
17. Phạm H4; Địa chỉ: khu phố T, phường F, thành phố T, tỉnh Phú Yên (Nay là khu phố T, Phường T, tỉnh Đắk Lắk) – Vắng mặt.
18. Ngô Tùng C1; Địa chỉ: khu phố N, phường I, thành phố T, tỉnh Phú Yên (Nay là Khu phố N, Phường B, tỉnh Đắk Lắk) – Vắng mặt.
19. Đặng Quang A; Địa chỉ: F H, B, thành phố T, tỉnh Phú Yên (Nay là F H, Phường B, tỉnh Đắk Lắk) – Vắng mặt.
20. Nguyễn An P1; Địa chỉ: khu phố N, phường I, thành phố T, tỉnh Phú Yên (Nay là khu phố N, Phường B, tỉnh Đắk Lắk) – Vắng mặt.
21. Nguyễn Tư Pháp; Địa chỉ: 1 N, phường D, thành phố T, tỉnh Phú Yên (Nay là 1 N, Phường T, tỉnh Đắk Lắk) – Vắng mặt.
22. Đặng Ngọc A1; Địa chỉ: khu phố L, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Phú Yên (Nay là khu phố L, xã Đ, tỉnh Đắk Lắk) – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 08/2022 đến tháng 9/2024, vì không đồng ý với các bản án, quyết định giải quyết của Tòa án nhân dân các cấp trong việc giải quyết tranh chấp giữa Lê Thị H và ông Nguyễn Xuân Đ đối với lô đất số 147, diện

tích 240m² ở khu D thuộc khu phố T, thị trấn C, huyện S, tỉnh Phú Yên (Nay là khu phố T, xã S, tỉnh Đắk Lắk) và việc Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Hoà (Nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 15 – Đắk Lắk) tiến hành kê biên, bán đấu giá tài sản đối với lô đất nêu trên. Lê Thị H cùng chồng là Nguyễn Văn T1 đã tự soạn thảo và thuê ông Đặng Trung N2 đánh máy 146 đơn có tiêu đề “Đơn tố cáo; Đơn kiến nghị; Đơn trình báo tố giác tội phạm; Đơn tố giác về tội phạm; Đơn kiến nghị, phản ánh” gửi đến các cơ quan gồm: Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh P (Nay là tỉnh Đắk Lắk) (38 đơn), Ban N4 (Nay là tỉnh Đắk Lắk) (27 đơn), Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy P2 (Nay là tỉnh Đắk Lắk) (24 đơn), Cục C2 Bộ C3 (18 đơn), Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Phú Yên (Nay là tỉnh Đắk Lắk) (08 đơn), Thanh tra Bộ C3 (11 đơn), Ủy ban nhân dân tỉnh P2 (Nay là tỉnh Đắk Lắk) (09 đơn), Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên (Nay là tỉnh Đắk Lắk) (05 đơn), Cục C4 (03 đơn), Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên (Nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 15 – Đắk Lắk) (02 đơn) và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S (Nay là Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ) (01 đơn). Nội dung trong các đơn đều thể hiện việc H, Trong đòi quyền sử dụng đất đối với lô đất nêu trên và tố cáo, tố giác, kiến nghị, phản ánh không đúng sự thật đối với các cán bộ, lãnh đạo của nhiều cơ quan, nhiều cấp, nhiều ngành đã có hành vi thoái hoá biến chất, có dấu hiệu sai phạm nghiêm trọng, tiêu cực tham nhũng, cố tình làm sai lệch hồ sơ để giải quyết sai pháp luật, nhằm cướp đất và lợi dụng chức quyền lừa đảo chiếm đoạt tài sản đối với lô đất nêu trên của gia đình H, Trong. Các cơ quan sau khi tiếp nhận đơn của H, Trong đã tiến hành giải quyết, giải thích và thông báo cho H, Trong biết việc tố cáo là không đúng. Tuy nhiên, H, Trong đã lợi dụng quyền khiếu nại, tố cáo đã nhiều lần làm đơn với nội dung chứa đựng thông tin bịa đặt, sai sự thật; xúc phạm danh dự, nhân phẩm và uy tín của 24 cán bộ, lãnh đạo để gửi nhiều cơ quan, nhiều cấp, nhiều ngành trong thời gian dài cụ thể:

- Đối với ông Nay Y B1, nguyên Chủ tịch UBND huyện S, nguyên Bí thư Huyện ủy S, nay là Bí thư Huyện ủy S1 (Nay là Bí thư xã S, tỉnh Đắk Lắk). Nội dung đơn thể hiện “ông N3 Y Blung cầu kết, móc nối một đường dây với ông Đ để lừa đảo cướp đoạt tài sản”; “Nghiêm trị xử lý nghiêm, khởi tố, kỷ luật cắt chức, khai trừ khỏi Đảng đối với ông Nay Y B1 về tội cầu kết móc nối một đường dây với ông Đ và các em ông Đ để lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; “Vì những loại cán bộ thoái hoá biến chất và khởi tố với ông Nay Y B1 về tội lợi dụng chức quyền lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; “lợi dụng chức quyền lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Đối với ông Cao Minh H1, nguyên Chủ tịch UBND huyện S (Nay là xã S, tỉnh Đắk Lắk). Nội dung đơn thể hiện “ông Cao Minh H1 cầu kết, móc nối một đường dây với ông Đ để lừa đảo cướp đoạt tài sản”, “có hành vi vi phạm pháp luật (ký quyết định huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không có căn cứ quy định)”; “Vì những loại cán bộ thoái hoá biến chất và khởi tố với ông Cao Minh H1 về tội lợi dụng chức quyền lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, “lợi dụng chức quyền lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Đối với ông Phan Doãn D, nguyên Chi cục trưởng Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Hoà (Nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 15 – Đắk Lắk). Nội dung đơn thể hiện “đã có hành vi vi phạm về kê biên, thông báo thi hành án”, “lợi dụng chức quyền lừa đảo chiếm đoạt tài sản; ông Phan Doãn D và 8 đồng phạm

cầu kết, móc nối một đường dây với ông Đ để lừa đảo cướp đoạt tài sản là loại cán bộ thoái hoá, biến chất”; “lợi dụng chức quyền lừa đảo chiếm đoạt tài sản; là loại cán bộ thoái hoá, biến chất; Cố ý làm trái các quy định của pháp luật về THA dân sự, luật giá và bộ luật dân sự”, “Vì những loại cán bộ thoái hoá biến chất và khởi tố với ông Phan Doãn D về tội lợi dụng chức quyền lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Đối với ông Ngô Tùng C1, nguyên Chi cục trưởng Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Hòa (Nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 15 – Đắk Lắk). Nội dung đơn thể hiện “Vì 03 người này (ông Ngô Tùng C1 cùng với ông Đỗ Phương H3, ông Nguyễn Hải T4) là loại cán bộ thoái hoá biến chất, lợi dụng chức quyền cầu kết một đường dây rồi lừa đảo cướp đoạt tài sản”.

- Đối với ông Đặng Quang A, Cục trưởng Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên (Nay là Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk). Nội dung đơn thể hiện “Cố tình bao che những người này (ông Ngô Tùng C1, ông Đỗ Phương H3, ông Nguyễn Hải T4) cầu kết móc nối một đường dây để lừa đảo cướp đoạt tài sản”.

- Đối với bà Nguyễn Thị Thanh B, Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai huyện S (Nay là Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ – Chi nhánh khu vực S, tỉnh Đắk Lắk). Nội dung đơn thể hiện “lợi dụng chức quyền lừa đảo chiếm đoạt tài sản; bà Nguyễn Thị Thanh B cầu kết, móc nối một đường dây với ông Đ để lừa đảo cướp đoạt tài sản”; “Nghiêm trị xử lý nghiêm, khởi tố, kỷ luật cắt chức, khai trừ khỏi Đảng đối với bà Nguyễn Thị Thanh B về tội cầu kết móc nối một đường dây với ông Đ và các em ông Đ để lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; “Vì bà này là một loại cán bộ thoái hoá, biến chất có dấu hiệu tiêu cực sai phạm nghiêm trọng, cố tình làm sai lệch hồ sơ”.

- Đối với bà Lê Thị Mỹ D1, cán bộ tiếp dân. Nội dung đơn thể hiện “Cầu kết, móc nối đường dây với một số cán bộ huyện trong vụ án này để lừa đảo chiếm đoạt tài sản lô đất”; “Vì bà là loại cán bộ thoái hoá, biến chất, làm việc hại dân, hại nước”.

- Đối với bà Nguyễn Thị Thanh H2, nguyên Chủ tịch UBND thị trấn C (Nay là xã S, tỉnh Đắk Lắk), nay là Phó bí thư thường trực thị trấn C. Nội dung đơn thể hiện “lợi dụng chức quyền lừa đảo chiếm đoạt tài sản; bà Nguyễn Thị Thanh H2 cầu kết, móc nối một đường dây với ông Đ để lừa đảo cướp đoạt tài sản”; “Nghiêm trị xử lý nghiêm, khởi tố, kỷ luật cắt chức, khai trừ khỏi Đảng đối với bà Nguyễn Thị Thanh H2 về tội cầu kết móc nối một đường dây với ông Đ và các em ông Đ để lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Đối với ông Phan Thế L, Trưởng phòng TN&MT huyện S (Nay là xã S, tỉnh Đắk Lắk). Nội dung đơn thể hiện “lợi dụng chức quyền lừa đảo chiếm đoạt tài sản; ông Phan Thế L cầu kết, móc nối một đường dây với ông Đ để lừa đảo cướp đoạt tài sản”; “Nghiêm trị xử lý nghiêm, khởi tố, kỷ luật cắt chức, khai trừ khỏi Đảng đối với ông Phan Thế L về tội cầu kết móc nối một đường dây với ông Đ và các em ông Đ để lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Đối với ông Phạm Thế N1, cán bộ UBKT Tỉnh ủy P3 (Nay là tỉnh Đắk Lắk). Nội dung đơn thể hiện “có dấu hiệu sai phạm nghiêm trọng, tiêu cực, cố tình bao che cho bà B”;

- Đối với ông Nguyễn Chí L1, cán bộ UBKT Tỉnh ủy P3(Nay là tỉnh Đắk Lắk). Nội dung đơn thể hiện “Làm việc lừa đảo với người dân cầu kết mố nổi một đường dây rồi lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; “Cố tình bao che cán bộ huyện S, tỉnh Phú Yên làm việc lừa đảo người dân cầu kết mố nổi một đường dây rồi lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Đối với ông Nguyễn Công D2, Giám đốc Sở Tư pháp tỉnh Phú Yên(Nay là tỉnh Đắk Lắk). Nội dung đơn thể hiện “Vì những loại cán bộ thoái hoá biến chất và khởi tố với ông Nguyễn Công D2 về tội lợi dụng chức quyền lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

- Đối với ông Đặng Ngọc A1, Giám đốc Sở TN&MT tỉnh P (Nay là tỉnh Đắk Lắk) “Có dấu hiệu bao che những loại cán bộ thoái hoá biến chất, chỉ làm hại nước, hại dân rồi giải quyết sai pháp luật”.

- Đối với ông Nguyễn An P1, Phó giám đốc Sở TN&MT tỉnh P(Nay là tỉnh Đắk Lắk). Nội dung đơn thể hiện “ông Nguyễn An P1 cố tình bao che bà Nguyễn Thị Thanh B, bà Nguyễn Thị Hồng T5, ông Trương Công T6, rồi giải quyết sai pháp luật”; “Nghiêm trị xử lý nghiêm đối với bà Nguyễn Thị Thanh B, bà Nguyễn Thị Hồng T5, ông Trương Công T6, những người này cố tình làm sai lệch hồ sơ, giải quyết sai pháp luật”.

- Đối với ông Nguyễn Ngọc Á, Chủ nhiệm UBKT Huyện ủy S (Nay là xã S, tỉnh Đắk Lắk). Nội dung đơn thể hiện “là loại cán bộ thoái hoá biến chất, làm việc hại dân, hại nước”.

- Đối với ông Nguyễn Văn P, nguyên Chủ nhiệm UBKT Huyện ủy S, nay là Trưởng ban D3 (Nay là xã S, tỉnh Đắk Lắk). Nội dung đơn thể hiện “Vì những loại cán bộ thoái hoá biến chất và khởi tố với ông Nguyễn Văn P về tội lợi dụng chức quyền lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

- Đối với ông Nguyễn Quang T7 Phó thủ trưởng Cơ quan CSĐT Công an huyện S (Nay là Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Đ). Nội dung đơn thể hiện “Cố tình bao che các tội phạm rồi ban hành thông báo sai pháp luật nghiêm trọng”.

- Đối với ông Nguyễn Văn T8, Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng (Nay là Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng); ông Phạm H4, Thẩm phán Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên (Nay là Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk); ông Bùi Đức H5, Phó chánh án Tòa án nhân dân huyện Sơn Hoà (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 15 – Đắk Lắk); ông Đinh G, đấu giá viên; ông Nguyễn Ngọc T2, nguyên Trưởng phòng TN&MT huyện S (Nay là xã S, tỉnh Đắk Lắk); ông Nguyễn Viết C, nguyên Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai huyện S(Nay là xã S, tỉnh Đắk Lắk); Nội dung đơn thể hiện “Vì một lũ cán bộ này thoái hoá biến chất có dấu hiệu sai phạm nghiêm trọng, tham nhũng tiêu cực và một đường dây chạy án rất mạnh với vợ chồng ông Đ nên cố tình làm sai lệch hồ sơ trong vụ án này, giải quyết và ra 3 bản án sai pháp luật, để cướp đất của vợ chồng tôi làm cho gia đình tôi mất oan tài sản quá lớn gần 20 năm qua”.

- Đối với ông Nguyễn Hải T4; ông Hà Công T9; ông Nguyễn Duy T10; ông Nguyễn Quốc H6; bà Nguyễn Thị V; ông Hồ Sỹ B2; ông Nguyễn Văn A2; ông Đỗ Phương H3; ông Đinh G; ông Lê Văn H7; ông Kpá K; ông Nguyễn Kha K1; ông

Chu Đình L2; ông Nguyễn Văn B3; bà Đặng Lý . Nội dung đơn thể hiện “Cho nghỉ việc và khởi tố về tội lợi dụng chức quyền của một cơ cấu hội đồng cán bộ cố tình làm sai lệch hồ sơ, lừa đảo chiếm đoạt rồi cướp tài sản đất”.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 03/2025/HS-ST ngày 29/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 15 - tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Thị H phạm tội “Lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân”,

Áp dụng khoản 2 Điều 331; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Lê Thị H 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, khấu trừ thời gian bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/10/2024 đến ngày 25/02/2025.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên phần án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/9/2025, bị cáo Lê Thị H kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo. Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và xác định Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Lê Thị H 02 (hai) năm tù về tội “Lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân” là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đối với kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo không đủ điều kiện được hưởng án treo theo hướng dẫn của Nghị Quyết số 01/2022 ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự về án treo. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng Hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số: 03/2025/HS-ST ngày 29/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 15 - tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận:

Do ý thức coi thường pháp luật, nên trong thời gian từ tháng 08/2022 đến tháng 9/2024. Bị cáo đã làm đơn tố cáo, tố giác, kiến nghị, phản ánh với nội dung không đúng sự thật đối với các cán bộ, lãnh đạo của nhiều Cơ quan, nhiều cấp, nhiều ngành cho rằng các cán bộ, lãnh đạo đã có hành vi thoái hoá biến chất, có dấu hiệu sai phạm nghiêm trọng, tiêu cực tham nhũng, cố tình làm sai lệch hồ sơ

để giải quyết sai pháp luật, nhằm cướp đất và lợi dụng chức vụ, quyền hạn lừa đảo chiếm đoạt tài sản đối với lô đất của gia đình bị cáo. Mặc dù, bị cáo H đã được các cấp chính quyền giải thích và thông báo cho bị cáo biết được việc tố cáo là không đúng. Bị cáo cũng biết rõ hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo đã bất chấp pháp luật, lợi dụng quyền khiếu nại, tố cáo đã cố ý đưa ra những thông tin bịa đặt, sai sự thật; xúc phạm danh dự, nhân phẩm và uy tín của 24 cán bộ, lãnh đạo gửi đến nhiều cơ quan, nhiều cấp, nhiều ngành trong suốt thời gian dài. Hành vi của bị cáo Lê Thị H đã bị cấp sơ thẩm xét xử về tội: “Lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân” theo quy định tại khoản 2 Điều 331 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Lê Thị H:

Cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Lê Thị H 02 (Hai) năm tù là thỏa đáng, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Khi quyết định hình phạt, tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng đúng và đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Sau khi xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo.

[3] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên bị cáo Lê Thị H phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thị H. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm 03/2025/HS-ST ngày 29/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 15 - tỉnh Đắk Lắk.

2. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Thị H phạm tội Lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân”

- Về hình phạt: Căn cứ khoản 2 Điều 331; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Thị H 02 (Hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 03/10/2024 đến ngày 25/02/2025

3. Về án phí: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Thị H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND phúc thẩm Tối cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- TAND khu vực 15 – Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 15 – Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 15;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị My My

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
TÒA**

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN

Lý Thơ Hiền

Vũ Ngọc Hà

Lê Quốc Ly